

**TÒA ÁN NHÂN D
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/DS-ST

Ngày: 21/7/2022

V/v “*Tranh chấp về lối đi chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN D HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Ung Thanh Quang

- **Các Hội thẩm nhân D:** 1. Ông Đặng Văn Minh

2. Ông Nguyễn Thanh Sơn

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà - Cán bộ
Tòa án nhân D huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân D huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình
Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Ngọc Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân D huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2020/TLST-DS ngày 08/01/2020 về việc: “*Tranh chấp về lối đi chung*” theo quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử số 39/2020/QĐ-GHXX ngày 11/5/2020; quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án D sự số 43/2020/QĐST-DS ngày 10/7/2020; quyết định tiếp tục giải quyết vụ án D sự số 19/2021/QĐ-DS ngày 19/11/2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐST-DS ngày 03/3/2022 v/v: “*Tranh chấp về lối đi chung*”; Thông báo hoãn phiên tòa số 01/TB-TA ngày 29/3/2022; quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2022/QĐST-DS ngày 22/4/2022; quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án D sự số 17/2022/QĐST-DS ngày 23/5/2022; quyết định tiếp tục giải quyết vụ án D sự số 25/2022/QĐ(ST ngày 08/7/2022 và Thông báo về việc tiếp tục mở phiên tòa xét xử vụ án số 03/2022/TB-TA ngày 11/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Ông Trần Văn N, sinh năm 1945 (vắng mặt)

- Bà Võ Thị B, sinh năm 1946 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Nời đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn N, bà Võ Thị B: Ông Nguyễn Quốc T2, sinh năm 1983 và ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1987, cùng địa chỉ: Số 161 N, khu phố 01, phường P, thành phố P tỉnh Bình Thuận. Theo giấy ủy quyền ngày 02/12/2019 (có mặt).

Bị đơn: - Ông Võ Như H, sinh năm 1984 (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1985 (vắng mặt)

- Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1952 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Nời đại diện theo ủy quyền của ông Võ Như H, bà Nguyễn Thị Thu S: Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1952, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Theo giấy ủy quyền ngày 30/10/2021 (có mặt).

Nời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy Bn nhân D xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt có lý do).

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện ngày 12/02/2019 và lời khai tại Tòa của nguyên đơn ông Trần Văn N và bà Võ Thị B ủy quyền cho ông Nguyễn Quốc T2 trình bày:

Năm 1976 gia đình ông bà xây dựng nhà ở trên đất có diện tích đất 352m² tọa lạc tại Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận được Ủy Bn nhân D huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 334489 ngày 30/8/2012. Từ trước đến nay gia đình ông bà sử dụng lối đi chung có diện tích khoảng 80m² (ngang 02m dài 40m) từ đường nhựa vô nhà. Lối đi chung này thể hiện trên bản đồ 920 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 334489 ngày 30/8/2012, đây là lối đi duy nhất. Tuy nhiên khoảng năm 2012, bà Huỳnh Thị D cùng vợ chồng ông Võ Như H và bà Nguyễn Thị Thu S tự ý rào lối đi chung này không cho những Nời trong gia đình ông bà đi vô nhà. Lối đi chung này ngang qua đất của bà Huỳnh Thị Thu D, đất có diện tích 559,5m² của hộ ông Nguyễn Văn Được được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 451127 ngày 10/3/2017. Ngày 12/7/2017, ông Nguyễn Văn Được tặng cho đất vợ chồng ông Võ Như H và bà Nguyễn Thị Thu S. Khi có quyền sử dụng đất, vợ chồng ông Võ Như H và bà Nguyễn Thị Thu S cùng bà Huỳnh Thị D tự ý rào lối đi, đổ rác thải ra đường. Ông bà khởi kiện thì ngày 03/10/2019 Ủy Bn nhân D xã Hàm Liêm hoà giải nhưng không thành. Nay ông bà khởi kiện đề nghị công nhận diện tích đất qua đo đạc hiện trạng là 75,3m² là lối đi chung, buộc bà Huỳnh Thị D, vợ chồng Võ Như H và bà Nguyễn Thị Thu S không được rào chiếm, ngăn cản việc di chuyển của gia đình ông bà trên lối đi chung nêu trên.

Bị đơn ông Võ Như H và bà Nguyễn Thị Thu S, ông H và bà S ủy quyền cho bà Huỳnh Thị D trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thu S là con của ông Nguyễn Văn Được, lối đi có diện tích qua đo đạc hiện trạng là 75,3m² mà vợ chồng ông Trần Văn N và bà Võ Thị B khởi kiện có nguồn gốc là trước năm 1975 nó chỉ là cây bờ ruộng, ngang 0,6m giáp với đất của ông Nguyễn Văn Được và đất bà Huỳnh Thị D, ông Được và bà D sử dụng cây bờ này để đi vô nhà. Gia đình ông N và bà B không có sử dụng cây bờ này để đi vô nhà mà sử dụng bờ ruộng khác. Năm 1980, ông Trần Văn N thấy con đường mà gia đình ông đang sử dụng dài và khó khăn trong việc đi lại nên xin cha bà S là ông Nguyễn Văn Được và bà Huỳnh Thị D đi nhờ trên cây bờ của bà D đang sử dụng để vô nhà. Do suy nghĩ đơn giản nên ông Được và bà D đồng ý cho đi nhờ. Nhà nước có chương trình làm đường bê tông thì bà Huỳnh Thị D có hiến đất cho Nời D làm một con đường bê tông để các hộ trong xóm sử dụng, con đường này ngang qua đất của ông N và bà B nên bà D yêu cầu gia đình ông N bà B không được đi trên con đường của bà D, ông Được đang sử dụng nhưng ông N không đồng ý. Ông N đã cho

con gái ông xây nhà chắn ngang lối đi từ đất nhà của ông N ra đường bê tông mà bà D hiện đất làm. Từ cây bờ có chiều ngang 0,6m mà trở thành con đường rộng 2m như hiện nay là do ông N lấn đất của ông Nguyễn Văn Được và bà Huỳnh Thị D khi ông Được và bà D không có ở nhà. Đối với diện tích đất 410m² mà ông Nguyễn Văn Được được cấp năm 2005 đến năm 2017 đổi thành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 451127 ngày 10/3/2017 có diện tích 559,5m² đều thể hiện có con đường nhưng do ông Nguyễn Văn Được tuổi già mắt kém nên không phát hiện ra. Ngày 12/7/2017, ông Nguyễn Văn Được tặng cho vợ chồng bà S ông H nên bà S và ông H phát hiện ra trên đất có đường đi. Theo đơn khởi kiện của ông N và bà B thì vợ chồng bà không đồng ý.

Bị đơn bà Huỳnh Thị D trình bày: Bà đang sử dụng thửa đất số 6, diện tích 347,9m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lối đi tranh chấp qua đo đạc hiện trạng là 75,3m² chạy dọc theo thửa đất bà đang sử dụng. Lối đi chung này có nguồn gốc trước năm 1975 là một cây bờ, sau năm 1975 ông Trần Văn N về ở sau lưng nhà bà có lối đi riêng, ông N có xin gia đình bà đi trên bờ ruộng trên thửa đất của gia đình bà, do tình nghĩa xóm làng nên bà đồng ý cho đi. Sau đó, Nhà nước và nhân D cùng làm đường bê tông nên bà yêu cầu ông N đi trên đường bê tông chứ không được đi trên đất của bà nữa trả cho bà con đường hiện trạng Bn đầu thì ông N không chịu, ông Trần Văn N khai báo con đường qua đo đạc hiện trạng là 75,3m² là không đúng vì con đường theo hiện trạng như ngày hôm nay là do ông N lấn đất của gia đình bà, bà không đồng ý trả lại con đường cho ông N.

Nời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh Cường – Phó chủ tịch đại diện Ủy Bn nhân D xã Hàm Liêm trình bày: Diện tích đất đường đi tranh chấp 75,3m² theo bản đồ đo đạc hiện trạng ngày 14/5/2020 là do Ủy Bn nhân D xã Hàm Liêm quản lý, tất cả Nời D được đi trên con đường này. Hiện nay Ủy Bn nhân D xã Hàm Liêm vẫn để cho mọi Nời đi trên con đường này.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của Nời tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị B, công nhận diện tích đất qua đo đạc hiện trạng là 75,3m² là lối đi chung. Lối đi chung có tứ cận như sau: Đông giáp đất ông Trần Văn N; Tây giáp đường nhựa; Nam giáp đất bà Huỳnh Thị D; Bắc giáp đất ông Trần Trung Kiên, tổng diện tích 75,3m². Ông Võ Như H, bà Nguyễn Thị Thu S và bà Huỳnh Thị D không được ngăn cản, rào chắn lối đi chung này.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng các bên đương sự không tự thỏa thuận được. Các đương sự đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của Nời tham gia tố tụng D sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Hội đồng xét xử nhận định: Sự vắng mặt của Ủy Bn nhân D xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa, Ủy Bn nhân D xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng D sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Ủy Bn nhân D xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐST-DS ngày 03/3/2022 đã ghi quan hệ pháp luật tranh chấp là v/v: “*Tranh chấp về lối đi chung*” qua thẩm tra tài liệu chứng cứ và các đương sự xác định yêu cầu của mình tại phiên Tòa thì Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ pháp luật giải quyết là “*Tranh chấp về lối đi chung*” được quy định tại Khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng D sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng D sự năm 2015 thì Tòa án nhân D huyện Hàm Thuận Bắc có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Căn cứ giấy ủy quyền ngày 02/12/2019 của ông Trần Văn N, bà Võ Thị B ủy quyền cho ông Nguyễn Quốc T2 và ông Nguyễn Văn H1, giấy ủy quyền ngày 30/10/2021 của ông Võ Như H, bà Nguyễn Thị Thu S ủy quyền cho bà Huỳnh Thị D đại diện là hợp lệ đúng quy định tại Điều 138 Bộ luật D sự năm 2015 nên được chấp nhận. Đối với ông Nguyễn Văn Phương – sinh năm 1960; địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Nguyễn Văn Phương hiện tại làm ăn sinh sống tại tỉnh Phú Yên, không có tài sản hay quyền lợi gì liên quan đến tranh chấp lối đi chung này và tại Thông báo thụ lý vụ án số 08/TB-TLVA ngày 10/01/2020 không có đưa ông Nguyễn Văn Phương vào tham gia tố tụng nhưng trong quá trình giải quyết, Tòa đưa ông Nguyễn Văn Phương vào tham gia tố tụng với tư cách là Nời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng nên Hội đồng xét xử xác định ông Phương không có liên quan gì trong vụ án này nên không đưa ông Phương vô tham gia tố tụng.

[3] Kết quả thu thập chứng cứ tại Văn bản số 2215/UBND-NC ngày 05/8/2021 của Ủy Bn nhân D huyện Hàm Thuận Bắc có nội dung:

3.1. Diện tích đất tranh chấp 75,3m² theo bản đồ đo đạc hiện trạng ngày 14/5/2020 kể từ năm 2009 đến nay là đất do Ủy Bn nhân D xã Hàm Liêm quản lý và tất cả Nời D đều được quyền đi lại trên con đường này.

3.2. Diện tích đất tranh chấp 75,3m² nói trên không thuộc các thửa đất số 3/384,4 m²; thửa đất số 4/714,2 m²; thửa đất số 6/347,9 m² và thửa số 10/559,5 m². Từ khi có bản đồ Dự án tổng thể 920 (năm 2009) thì không có hộ gia đình hay cá nhân nào kê khai đăng ký quyền sử dụng đối với diện tích đất đường đi nói trên.

3.3. Trình tự, thủ tục và nội dung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 334489 ngày 20/8/2012 cấp đứng tên ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị B và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 451127 ngày 10/3/2017 đứng tên ông Nguyễn Văn Được là đúng quy định pháp luật.

3.4 Theo bản đồ tổng thể 920 và hiện trạng sử dụng đất thì ngoài đường đi nêu trên, hộ ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị B không có đường đi nào khác.

[4] Như vậy, theo nội dung công văn số 2215/UBND-NC ngày 05/8/2021 nêu trên phù hợp lời khai Nòi có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ nên đủ căn cứ pháp luật để khẳng định: Diện tích đất 75,3m² mà ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị B yêu cầu công nhận là lối đi chung cho ông bà không thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Võ Như H, bà Nguyễn Thị Thu S và cũng không thuộc thửa đất số 6 diện tích 347,9m² bà Huỳnh Thị D đang sử dụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Như H, bà Nguyễn Thị Thu S và bà Huỳnh Thị D không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh lối đi trên thuộc quyền quản lý của ông bà nhưng ông Võ Như H, bà Nguyễn Thị Thu S và bà Huỳnh Thị D tự ý không cho ông N, bà B sử dụng thì ông N và bà B không còn lối đi nào khác để vô nhà làm T2ệt hại đến quyền lợi của ông bà là không thể chấp nhận được. Ngoài ra, từ khi có bản đồ dự án tổng thể 920 (năm 2009) thì không có hộ gia đình hay cá nhân nào kê khai đăng ký quyền sử dụng đối với lối đi tranh chấp. Ngoài lối đi trên thì tại khu vực đất gia đình ông N và bà B đang sử dụng không có lối đi nào khác để ra đường công cộng nên ông N và bà B được phép đi trên lối đi này. Do đó, ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị B khởi kiện đề nghị công nhận diện tích đất qua đo đạc hiện trạng là 75,3m² là lối đi chung, buộc bà Huỳnh Thị D, vợ chồng Võ Như H và bà Nguyễn Thị Thu S không được rào chiếm, ngăn cản việc di chuyển của gia đình ông bà trên lối đi chung nêu trên có tứ cận như sau: Đông giáp đất ông Trần Văn N; Tây giáp đường nhựa; Nam giáp đất bà Huỳnh Thị D; Bắc giáp đất ông Trần Trung Kiên, tổng diện tích 75,3m² theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 14/5/2020 là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]**Về án phí, lệ phí:** Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng D sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do bà Huỳnh Thị D - sinh năm 1953 là Nòi cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí D sự sơ thẩm nhưng bà D và vợ chồng Võ Như H và bà Nguyễn Thị Thu S phải chịu chi phí xem xét tại chỗ và định giá tài sản là 10.589.000đ (mười triệu năm trăm tám mươi chín ngàn đồng).

Nguyên đơn vợ chồng ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị B không phải chịu án phí D sự sơ thẩm và chi phí xem xét tại chỗ và định giá tài sản theo quy định pháp luật. Đối với số tiền 10.589.000đ (mười triệu năm trăm tám mươi chín ngàn đồng) mà ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị B nộp tạm ứng chi phí xem xét tại chỗ và định giá tài sản do ông Võ Như H, bà Nguyễn Thị Thu S và bà Huỳnh Thị D giao trả.

Nời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy Bn nhân D xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận không phải chịu án phí D sự sơ thẩm; chi phí xem xét tại chỗ và định giá tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/Áp dụng: Khoản 3 và Khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a và điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng D sự; Điều 254 Bộ luật D sự năm 2015; Điều 4, Điều 101, Khoản 7 Điều 166, Điểm b Khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị B, công nhận diện tích đất qua đo đặc hiện trạng là 75,3m² là lối đi chung có tứ cận như sau: Đông giáp đất ông Trần Văn N; Tây giáp đường nhựa; Nam giáp đất bà Huỳnh Thị D; Bắc giáp đất ông Trần Trung Kiên, tổng diện tích 75,3m². Ông Võ Như H, bà Nguyễn Thị Thu S và bà Huỳnh Thị D không được ngăn cản, rào chắn lối đi chung này.

- Ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị B được sử dụng lối đi chung nêu trên.

(Có trích đo bản đồ vị trí hiện trạng lối đi tranh chấp kèm theo).

2/Về án phí, lệ phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng D sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Huỳnh Thị D được miễn nộp tiền án phí D sự sơ thẩm.

- Vợ chồng ông Võ Như H, bà Nguyễn Thị Thu S mỗi Nời phải chịu 300.000đ (B trăm ngàn đồng) án phí D sự sơ thẩm.

- Ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị B không phải chịu án phí D sự sơ thẩm.

- Vợ chồng ông Võ Như H, bà Nguyễn Thị Thu S và bà Huỳnh Thị Thu D phải chịu 10.589.000đ (mười triệu năm trăm tám mươi chín ngàn đồng) lệ phí xem xét tại chỗ, định giá tài sản được chia: ông Võ Như H, bà Nguyễn Thị Thu S và bà Huỳnh Thị Thu D mỗi Nời nộp 3.530.000đ (B triệu năm trăm B mươi ngàn đồng). Để hoàn trả cho ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị B do ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị B đã nộp 10.589.000đ (mười triệu năm trăm tám mươi chín ngàn đồng) tạm ứng lệ phí xem xét tại chỗ, định giá tài sản tại Tòa án nhân D huyện Hàm Thuận Bắc.

- Ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị B không phải chịu lệ phí xem xét tại chỗ và định giá tài sản. Đối với số tiền 10.589.000đ (mười triệu năm trăm tám mươi chín ngàn đồng) mà ông N và bà B nộp tạm ứng chi phí xem xét tại chỗ và định giá tài sản do ông Võ Như H, bà Nguyễn Thị Thu S và bà Huỳnh Thị Thu D giao trả.

- Ủy Bn nhân D xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận không phải chịu án phí D sự sơ thẩm; chi phí xem xét tại chỗ và định giá tài sản.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/7/2022). Đối với Ủy Bn nhân D xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được T2 hành theo quy định tại Điều 2 Luật T2 hành án D sự thì Nời được T2 hành án D sự, Nời phải T2 hành án D sự có quyền thỏa thuận T2 hành án, quyền yêu cầu T2 hành án, tự nguyện T2 hành án hoặc bị cưỡng chế T2 hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật T2 hành án D sự; thời hiệu T2 hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T2 hành án D sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận.
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc.
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Ung Thanh Quang